

Hà Nội, ngày/date 30 tháng/month 7 năm/year 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng/months of Năm/year 2026)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: - *The State Securities Commission*
- *The HCMC Stock Exchange*

- Tên công ty niêm yết/Name: Công ty Cổ phần Traphaco/Traphaco JSC
- Địa chỉ trụ sở chính/Headoffice: 75 phố Yên Ninh - Phường Ba Đình - TP. Hà Nội - Việt Nam
- Điện thoại/Phone: 043.6830751 Fax: 043.6815097 Email: info@traphaco.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: **414.536.730.000** đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: TRA
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông/General Assembly of Shareholders, Hội đồng quản trị/Board of Directors, Ban Kiểm soát/Board of Supervisors và Tổng Giám đốc/CEO.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Assembly of Shareholders

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
------------	---	--------------	---------------------

1	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ	17/4/2026	Thông qua/Accept: 1. Các báo cáo năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 – 2025 (Bao gồm: Báo cáo về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2025; Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021–2025; Báo cáo của BKS năm 2025; nhiệm kỳ 2021 – 2025) <i>Reports for 2025 and the term 2021 – 2025 (Including: Report on the 2025 business and production results, and Report on the activities of BoD in 2025; Report on the operating results for the 2021–2025 term; Report of the BoS in 2025 and for the 2021 – 2025 term)</i> 2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán. <i>Audited consolidated financial statements in 2025.</i> Phê duyệt/ Approve: 3. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025. <i>Plan for distribution of 2025 after-tax profit and the remuneration plan for the BoD and BoS for 2025</i> 4. Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2026 – 2030 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 <i>The objectives for the 2026–2030 term and the business plan for 2026</i> 5. Dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026. <i>Plan for distribution of 2026 after-tax profit and the remuneration plan for the BoD and BoS for 2026.</i> 6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026. <i>The selection of an independent auditor for financial statements in 2026.</i> 7. Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ cao traphaco, công ty TNHH Traphaco Hưng Yên và công ty TNHH MTV Dược phẩm Traphaco. <i>The signing of contracts with Traphaco CNC Joint Stock Company, Traphaco Hung Yen Co., Ltd. and Traphaco Pharmaceutical One Member Co., Ltd.</i> 8. Thay đổi, điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. <i>Amendments to enterprise registration details and amendments and supplements to the company's Charter.</i> 9. Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần. <i>Issuance of shares to increase share capital.</i>
---	------------------	-----------	--

			Bầu cử/ Elect: 10. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 -2030 <i>Members of the Board of Directors and Board of Supervisors for the term 2026 -2030</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị (6 tháng năm 2026)/Board of Directors (6 months of 2026 report)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about BoD members

Stt	Thành viên HĐQT <i>BoD members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be BoD member</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông/ Mr. Lee Choong Hwan	Chủ tịch/ <i>Chairman</i> TV độc lập <i>Independent member</i>	17/4/2026	
2.	Ông/Mr. Nguyễn Phú Khánh	Phó chủ tịch <i>Vice Chairman</i>	17/4/2026	
3.	Ông/Mr. Trần Túc Mã	Thành viên/ <i>member</i>	17/4/2026	
4.	Bà/Ms. Đào Thúy Hà	Thành viên/ <i>member</i>	17/4/2026	
5.	Ông/Mr. Kim Dong Hyu	Thành viên/ <i>member</i>	17/4/2026	
6.	Ông/Mr. Cha Junwoo	Thành viên độc lập/ <i>Independent member</i>	17/4/2026	
7.	Ông/Mr. Đinh Quang Hòa	Thành viên/ <i>member</i>	17/4/2026	
8.	Ông/Mr. Chung Ji Kwang	Chủ tịch/ <i>Chairman</i> TV độc lập <i>Independent member</i>	31/3/2021	17/4/2026

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>BoD member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of BoD meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Ông/Mr. Lee Choong Hwan	5/5	100%	
2.	Ông/Mr. Nguyễn Phú Khánh	11/11	100%	
3.	Ông/Mr. Trần Túc Mã	11/11	100%	
4.	Bà/Ms. Đào Thúy Hà	11/11	100%	
5.	Ông/Mr. Kim Dong Hyu	11/11	100%	
6.	Ông/Mr. Đinh Quang Hòa	11/11	100%	
7.	Ông/Mr. Cha Junwoo	11/11	100%	
8.	Ông/Mr. Chung Ji Kwang	6/6	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors*

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty,
 - Theo dõi, chỉ đạo ổn định SXKD và các hoạt động khác của Công ty,
 - Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2026,
 - Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT (chi tiết liệt kê tại Mục 5),
 - Giám sát, đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở Giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
-
- *Supervise the implementation of the Company's business plan,*
 - *Monitor and direct the stabilization of production, business and other activities of the Company,*
 - *Direct the Board of Management to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2026,*
 - *Direct the Board of Management to project of new distribution model, ...*
 - *Direct, supervise and support CEO and other managers in the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders; Resolutions and decisions of the Board of Directors (details are listed in Section 5),*
 - *Disclose information and submit reports according to current regulations of State management agencies.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*Activities of BoD's Sub-Committees*

4.1 Tiểu ban Chính sách Phát triển/*Development & Policy Subcommittee*

- Tham mưu Bản Kế hoạch Ngân sách năm 2026: đầu tư TSCĐ, XDCB, NCPT, marketing...
- Đánh giá Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm,

- *Advise on the 2026 Budget Plan: CAPEX, R&D, marketing...*
- *Evaluate business results in the first 6 months,*

4.2 Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng/Human Resources and Remuneration Subcommittee

- Đề xuất nhân sự đối với các vị trí: Tổng Giám đốc, Thành viên Tiểu ban Nhân sự Lương thưởng, các Phó Tổng Giám đốc.
- *Proposing personnel for the positions: Chief Executive Officer, Members of Human Resource & Remuneration Sub-committee, members of the Board of Management.*

4.3 Tiểu ban Kiểm toán/Audit Subcommittee

- Làm việc với công ty kiểm toán và Ban Kiểm soát về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán trong năm 2025, bán niên năm 2026, báo cáo quý 1 & 2 năm 2026,
- Phối hợp với Ban Kiểm soát, tư vấn lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026,
- Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện Kế hoạch kiểm toán theo phê duyệt của HĐQT.
- *Work with the audit firm and the Board of Supervisors on issues related to the financial statements in 2025, 6 months of 2026, and quarters 1 & 2 of 2026,*
- *Cooperate with the Board of Supervisors, consult on the selection of an audit firm for the financial statements in 2026,*
- *Directing the Internal Audit Committee to implement the audit plan as approved by the Board of Directors.*

4.4 Tiểu ban Ngoài đồng được/Non-herbal Subcommittee

- Chủ trì các hoạt động liên quan tới dự án GMP-EU,
- Chỉ đạo các hoạt động để phục vụ chuyển giao công nghệ giai đoạn 3, xây dựng danh mục sản phẩm chiến lược, định hình hướng phát triển sản phẩm xuất khẩu.
- *Led the activities related to GMP-EU Project,*
- *Direct activities to serve the technology transfer in phase 3, build a list of strategic products, and shape the direction of export product development.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (bán niên năm 2026)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (2026 semi-annual report)

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
--------------------	---	----------------------	-----------------------------	--

1.	01/2026/NQ-HĐQT	09/01/2026	Thông qua chủ trương thuê tư vấn độc lập rà soát hoạt động mua bán và sử dụng nguyên vật liệu <i>Approval in principle of engaging an independent consultant to review the procurement, trading, and use of raw materials</i>	100%
2.	04/2026/QĐ-HĐQT	11/02/2026	Phê duyệt báo cáo kiểm toán nội bộ số 4 năm 2025 <i>Approve the internal audit report No. 4 in 2025</i>	100%
3.	05 /2026/NQ-HĐQT	13/02/2026	Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 <i>2026 Annual General Shareholder meeting</i>	100%
4.	06/2026/QĐ-HĐQT	20/03/2026	Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 <i>Internal audit plan in 2026</i>	100%
5.	07/2026/NQ-HĐQT	20/03/2026	Thông qua chủ trương Traphaco góp vốn đầu tư tăng vốn điều lệ tại Traphaco Hưng Yên để thực hiện Dự án đầu tư nhà máy sản xuất dược Việt Nam giai đoạn 2 (nhà máy sản xuất thuốc OSD đạt chuẩn GMP-EU) <i>Approval of the policy for Traphaco to contribute capital to increase the charter capital of Traphaco Hung Yen in order to implement the Vietnam Pharmaceutical Manufacturing Plant investment project – Phase 2 (EU-GMP compliant OSD manufacturing plant)</i>	100%
6.	08/2026/NQ-HĐQT	20/03/2026	Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất dược Việt Nam” trên địa bàn xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên <i>Adjustment of the investment policy for the “Vietnam Pharmaceutical Manufacturing Plant” project located in Nhu Quynh Commune, Hung Yen Province</i>	100%
7.	11/2026/NQ-HĐQT	17/04/2026	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty <i>Nomination of Chairman of the Board of Directors</i>	100%
8.	12/2026/NQ-HĐQT	17/04/2026	Bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty <i>Nomination of Vice Chairman of the Board of Directors</i>	100%
9.	13/2026/QĐ-HĐQT	17/04/2026	Thành viên Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng <i>Members of the Human Resources and Remuneration Committee</i>	100%
10.	14/2026/QĐ-HĐQT	17/04/2026	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty <i>Appointment of the Chief Executive Officer of the Company</i>	100%
11.	15/2026/NQ-HĐQT	21/4/2026	Báo cáo của Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Traphaco tại Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco liên quan đến các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Traphaco CNC	100%

			<i>Report of the Authorized Representative of Traphaco JSC at Traphaco High Technology JSC regarding the agenda of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Traphaco CNC</i>	
12.	16/2026/NQ-HĐQT	14/05/2026	Báo cáo của Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Đắk Lắk liên quan đến các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Công ty <i>Report of the Authorized Representative of Traphaco JSC at Dak Lak Pharmaceutical and Medical Supplies Joint Stock Company regarding the agenda of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Company</i>	100%
13.	17/2026/QĐ-HĐQT	14/05/2026	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ <i>Promulgate the Internal Audit Regulations</i>	100%
14.	18/2026/NQ-HĐQT	19/06/2026	Triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần <i>Implementation of the Share Issuance Plan for Charter Capital Increase from Owners' Equity</i>	100%
15.	19/2026/NQ-HĐQT	26/06/2026	Phê duyệt kế hoạch cấp giới hạn tín dụng và tiền gửi năm 2026 tại các ngân hàng <i>Approval of the plan to grant credit and deposit limit in 2026 at banks</i>	100%
16.	20/2026/NQ-HĐQT	26/06/2026	Phê duyệt báo cáo kiểm toán nội bộ số 1 năm 2026 <i>Approve the internal audit report No. 1 in 2026</i>	100%

III. Ban Kiểm soát (6 tháng năm 2026)/Board of Supervisors (6 months of 2026 report)

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)/Information about BoS members

Stt No.	Thành viên BKS BoS members	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS The date becoming/ceasing to be BoS member	Trình độ chuyên môn Qualification
1.	Bà/Ms. Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Trưởng ban/ Head	Bổ nhiệm/Elected 17/4/2026	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng/ Master of Finance - Banking
2.	Bà/Ms. Đào Thị Minh Hòa	Thành viên/ member	Bổ nhiệm/Elected 17/4/2026	Cử nhân Quản trị kinh doanh/ Bachelor of Business Administration Cử nhân Kế toán/ Bachelor of Accounting

3.	Ông/ Mr. Lee Jungwoo	Thành viên/ <i>member</i>	Bổ nhiệm/Elected 17/4/2026	Cử nhân Công nghệ sinh học/ <i>Bachelor of Biotechnology</i>
4.	Bà/Ms. Nguyễn Thị Lương Thanh	Trưởng ban/ <i>Head</i>	Miễn nhiệm/ <i>Dismissed</i> 17/4/2026	Thạc sĩ Quản lý kinh tế/ <i>Master of Economic Management</i> Cử nhân tài chính/ <i>Bachelor of Finance</i>
5.	Bà/Ms. Nguyễn Thanh Hoa	Thành viên/ <i>member</i>	Miễn nhiệm/ <i>Dismissed</i> 17/4/2026	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/ <i>Master of Business Administration</i> Cử nhân Kế toán/ <i>Bachelor of Accounting</i>
6.	Bà/Ms. Nguyễn Thị Giang	Thành viên/ <i>member</i>	Miễn nhiệm/ <i>Dismissed</i> 17/4/2026	Thạc sỹ Luật/ <i>Master of Law</i> Cử nhân Quản trị kinh doanh/ <i>Bachelor of Administration</i>

2. Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors*

Stt No.	Thành viên BKS <i>BoS member</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	1/1	100%	100%	
2.	Bà Đào Thị Minh Hòa	1/1	100%	100%	
3.	Ông Lee Jungwoo	1/1	100%	100%	
4.	Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	1/1	100%	100%	
5.	Bà Nguyễn Thanh Hoa	1/1	100%	100%	
6.	Bà Nguyễn Thị Giang	0/0			

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors*

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS,
- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT,
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2025,
- Kiến nghị lựa chọn công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026,
- Giám sát việc công bố thông tin và nộp báo cáo theo các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

- *Attend all meetings of the Board of Directors and give opinions on issues within the functions and duties of the Board of Supervisors,*
- *Supervise the Board of Directors, Board of Management in the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders; Resolutions and decisions of the Board of Directors,*
- *Verification of the financial statements for 2025.*
- *Propose on the selection of an audit company for the financial statements in 2026,*
- *Supervise information disclosure and report-submission in accordance with current regulations of state management agencies.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Directors, Board of Management, and other managers:* Hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và các quy định liên quan/*Operating in accordance with the Operation Regulation of the Board of Supervisors and related regulations.*

5. Hoạt động khác của BKS/*Other activities of the Board of Supervisors*
Không có/ *Not any.*

IV. Ban Điều hành/*Board of Management*

Stt No.	Thành viên Ban điều hành <i>BoM members</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
1.	Bà/Ms. Đào Thúy Hà	06/06/1975	Thạc sĩ Dược học <i>Master of Pharmacy</i> Thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Master of business administration</i>	17/04/2026
2.	Ông/Mr. Kim Dong Hyu	25/12/1981	Cử nhân Công nghệ sinh học <i>Bachelor of Biotechnology</i>	28/03/2022
3.	Ông/Mr. Nguyễn Huy Văn	10/03/1967	Tiến sĩ Dược học <i>Doctor of Pharmacy</i> Cử nhân Luật <i>Bachelor of Law</i>	28/03/2022
4.	Ông/Mr. Phạm Hoàng Anh	05/01/1989	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tài chính <i>CIMA, CPA (Aust.), MBA in finance</i>	28/03/2022
5.	Bà/Ms. Trần Thị Anh Phương	25/12/1970	Thạc sĩ Dược học <i>Master of Pharmacy</i>	23/01/2025

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
Đinh Trung Kiên	29/10/1973	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	28/03/2022

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance

Tham gia Đào tạo Chương trình Chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty (CSMP12) do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam tổ chức.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết (Báo cáo 6 tháng năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the listed company (6 months of 2026 report) and transactions of affiliated persons of the Company)

- Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*: chi tiết theo **Phụ lục 01** đính kèm.
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1.	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ đông lớn <i>Large shareholder</i>	0101992921, cấp ngày 01/8/2006	Tầng 23 - 24 Tòa nhà Charmvit, Số 117 đường Trần Duy Hưng, Phường Yên	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026 39/2025/NQ-HĐQT ngày 19/12/2025	Chi trả cổ tức năm 2025: 29,573 tỷ <i>Dividend payment in</i>	

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
				Hoà, Thành phố Hà Nội			2025: 29,573 billion dong	
2.	MAGBI Fund Limited	Cổ đông lớn <i>Large shareholder</i>	ERC No.: 2565995, cấp ngày 11/8/2017 tại Hongkong	Unit 810, 8/F Star HSE 3 Salisbury Rd TST KLN Hongkong	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026 39/2025/NQ-HĐQT ngày 19/12/2025	Chi trả cổ tức năm 2025: 20,722 tỷ <i>Dividend payment in 2025: 20,722 billion dong</i>	
3.	Super Delta Pte. Ltd	Cổ đông lớn <i>Large shareholder</i>	201722666G, cấp ngày 10/8/2017 tại Singapore	10 Anson road, 23-14P International Plaza, Singapore (079903)	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026 39/2025/NQ-HĐQT ngày 19/12/2025	Chi trả cổ tức năm 2025: 12,534 tỷ <i>Dividend payment in 2025: 12,534 billion dong</i>	
4.	ACCESS S.A., SICAV-SIF - ASIA TOP PICKS	Cổ đông lớn <i>Large shareholder</i>	CB9798, cấp ngày 11/03/2019 tại Luxembourg	11-13 Boulevard de la Foire, L-1528 Luxembourg	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026 39/2025/NQ-HĐQT ngày 19/12/2025	Chi trả cổ tức năm 2025: 4,266 tỷ <i>Dividend payment in 2025: 4,266 billion dong</i>	
5.	Công ty CP Công nghệ cao Traphaco	Công ty con <i>Subsidiary</i>	0900255402, cấp ngày 21/6/2006 tại Hưng Yên	Số 140 – 142 – 144 Khu A Địa chất, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026	- bán hàng/selling goods: 41,5 tỷ/billion đồng - mua hàng hóa, dịch vụ/buying goods, services: 272	

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							tỷ/billion đồng - lợi nhuận chuyển về/profit received: 29,2 tỷ/billion đồng - cổ tức chuyển về/dividend received: tỷ/billion 5,79	
6.	Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	Công ty con <i>Subsidiary</i>	0900540872, cấp ngày 23/3/2010 tại Hưng Yên	thôn Bình Lương, xã Nthur Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026	- bán hàng/selling goods: 18,6 tỷ/billion đồng - mua hàng hóa, dịch vụ/buying goods, services: 223,8 tỷ/billion đồng - lợi nhuận chuyển về/profit received: 37,5 tỷ/billion đồng	
7.	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Traphaco	Công ty con <i>Subsidiary</i>	0111120648, cấp ngày 11/7/2025 tại Hà Nội	Ngõ 15 đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6 tháng/month, năm/year 2026	10/2026/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17/4/2026	- bán hàng/selling goods: 1.131,9 tỷ/billion đồng - mua hàng hóa, dịch vụ/buying goods, services: tỷ/billion đồng	

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- lợi nhuận chuyển về/profit received: (58) tỷ/billion đồng	
8.	Công ty TNHH MTV Traphaco Sapa	Công ty con <i>Subsidiary</i>	5300203747, cấp ngày 24/6/2009 tại Lào Cai	Tổ 2, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	6 tháng/month, năm/year 2026	Biên bản họp HĐQT/BoD meeting minutes ngày/dated 24/5/2022	- bán hàng/selling goods: /billion đồng - mua hàng hóa, dịch vụ/buying goods, services: 2 tỷ/billion đồng - lợi nhuận chuyển về/profit received: 2,2 tỷ/billion đồng	
9.	Công ty CP được VTYT Đắk Lắk	Công ty con <i>Subsidiary</i>	6000449389, cấp ngày 01/01/2004 tại Đắk Lắk	số 9A đường Hùng Vương, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	6 tháng/month, năm/year 2025	Biên bản họp HĐQT/BoD meeting minutes ngày/dated 24/5/2022	- bán hàng/selling goods: tỷ/billion đồng - lợi nhuận chuyển về/profit received: 2,8 tỷ/billion đồng - cổ tức/dividend: tỷ/billion đồng	
10.	CTCP được Sao Mai	Tổ chức liên quan của người nội bộ	1000282691, cấp ngày 26/11/2001	Số nhà 577, đường Lý Thái Tổ, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh	6 tháng/month, năm/year 2025	Biên bản họp HĐQT/BoD meeting minutes	- bán hàng/selling goods: tỷ/billion đồng	

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
		<i>Related party of insider</i>		Hung Yên, Việt Nam		ngày/dated 24/5/2022		
11.	Daewoong Pharmaceuticals Co., Ltd	Tổ chức liên quan của người nội bộ <i>Related party of insider</i>			6 tháng/month, năm/year 2025		- mua hàng hóa, dịch vụ/buying goods: 19,5 tỷ/billion đồng	

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*: không có/none.
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*
- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Directors, Board of Supervisors, CEO have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*: không có/none.
- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of*

Directors, Board of Supervisors, CEO and other managers as a member of Board of Directors, CEO: không có/none.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc:
Other transactions of the Company (if any) may bring material or non - material benefits for members of Board of Directors, Board of Supervisors, CEO and other managers: không có/none.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng năm 2026)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (6 months of 2026 report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*: Chi tiết theo **Phụ lục 02** đính kèm.
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/None./

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above*;
- Lưu/Archive: Vp. HĐQT, VT/
BoD office, Admin.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
B/O. BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN**



Lee Choong Hwan

PHỤ LỤC/APPENDIX 01
DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân Name organization/individual	TK giao dịch CK Stock account	Chức vụ tại công ty, mối liên hệ Position in the Company	Số CCCD/ ĐKKD ID card/ Passport	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan The date becoming related party	Thời điểm không còn là người có liên quan The date ceasing related party	Ghi chú Note
A. Người nội bộ của Công ty/Insiders of the Company										
1.	Lee Choong Hwan		Chủ tịch HĐQT Chairman					17/04/2026		
2.	Nguyễn Phú Khánh		PCT HĐQT, Đại diện SCIC Vice Chairman, SCIC representative					31/03/2022		
3.	Đào Thúy Hà		UV HĐQT TGD Đại diện SCIC Board member, CEO, SCIC representative					15/11/2018		
4.	Trần Túc Mã		UV HĐQT Board member					01/2000		
5.	Kim Dong Hyu		UV HĐQT					05/07/2018		

			Phó TGD <i>Board member, Vice CEO</i>							
6.	Cha Junwoo		UV HĐQT <i>Board member</i>					12/04/2024		
7.	Đinh Quang Hòa		UV HĐQT Đại diện SCIC <i>Board member, SCIC representative</i>					14/4/2023		
8.	Đặng Sơn Nguyệt Thảo		Trưởng BKS <i>Head of Board of Supervisors</i>					17/04/2026		
9.	Đào Thị Minh Hòa		UV BKS <i>Board of Supervisors' member</i>					17/04/2026		
10.	Lee Jungwoo		UV BKS <i>Board of Supervisors' member</i>					17/04/2026		
11.	Nguyễn Huy Văn		Phó TGD <i>Vice-CEO</i>					25/03/2011		
12.	Trần Thị Anh Phương		Phó TGD <i>Vice-CEO</i>					23/03/2025		
13.	Phạm Hoàng Anh		Phó TGD <i>Vice-CEO</i>					26/01/2021		
14.	Đinh Trung Kiên		Kê toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					01/2008		

15.	Ngô Hải Hà		Người phụ trách quản trị Công ty <i>Chief Governance Officer</i>					12/6/2025		
16.	Chung Ji Kwang		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>					26/03/2020	17/04/2026	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
17.	Nguyễn Thị Lương Thanh		Tướng BKS <i>Head of Board of Supervisors</i>					31/03/2021	17/4/2026	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
18.	Nguyễn Thanh Hoa		UV BKS <i>Board of Supervisors' member</i>					30/03/2016	17/4/2026	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
19.	Nguyễn Thị Giang		UV BKS <i>Board of Supervisors' member</i>					12/4/2024	17/4/2026	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
B. Doanh nghiệp sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty/The enterprise owns more than 10% of the voting shares of the Company										
1.	SCIC - Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước <i>SCIC – State capital investment corporation</i>		35,67%	0101992921	09/07/2010	Hà Nội	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, Số 117 đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội	30/08/2006		
2.	MAGBI Fund Limited		25%	ERC No.: 2565995	11/08/2017	Hongkong	Unit 810, 8/F Star HSE 3 Salisbury Rd TST KLN Hongkong	06/11/2017		
3.	Super Delta Pte. Ltd		15,12%	201722666G	10/08/2017	Singapore	10 Anson road, 23-14P International Plaza, Singapore (079903)	06/11/2017		
C. Công ty con (do Công ty sở hữu trực tiếp), người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con/Subsidiaries (directly owned by the Company), managers and legal representatives of subsidiaries										
1.	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco		Công ty con <i>Subsidiary</i>	0900255402	21/06/2006	Hà Nội	Số 140 – 142 – 144 Khu A Địa Chất, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	2012		

	<i>Traphaco High Technology Joint Stock Company</i>									
1.1	Vũ Năng Liêu		Chủ tịch TRA CNC <i>TRA CNC Chairman</i>					06/04/2012		
1.2	Trịnh Thanh Huyền		Giám đốc TRA CNC <i>TRA CNC Director</i>					01/10/2022		
2.	Công ty TNHH MTV TraphacoSapa <i>TraphacoSapa One member Limited Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>	ĐKKD: 5300203747	31/10/2013	Lào Cai	Tổ 2, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	2013		
2.1	Đỗ Tiến Sỹ		Giám đốc TRA Sapa <i>TRA Sapa Director</i>					2011		
3.	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên <i>Traphaco Hung Yen Ltd.</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>	ĐKKD: 0900540872	25/11/2014	Hưng Yên	Thôn Bình Lương, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	2015		
3.1	Phạm Thị Thanh Duyên		Giám đốc TRA HY <i>TRA HY Director</i>					01/06/2018		
4.	CTCP Dược & VTYT Dak Lak (Bamepharm) <i>Dak Lak Pharmaceutical and Medical Supplies Joint Stock Company (Bamepharm)</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>	ĐKKD: 6000449389	21/12/2011	Daklak	Số 9A đường Hùng Vương, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	2011		
4.1	Nguyễn Mậu Hoàng Sơn		CT HĐQT Bamepharm					23/03/2017		

			<i>Bamepharm Chairman</i>							
4.2	Phan Thành Trinh		TGD Bamepharm <i>Bamepharm Director</i>					23/03/2017		
5.	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Traphaco		Công ty con <i>Subsidiary</i>	0111120648	11/7/2025	Hà Nội	Ngõ 15 đường Ngọc Hồi, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2025		
5.1	Thái Đức Luận		Giám đốc <i>Director</i>					2025		
D. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên: xem danh sách người có liên quan của từng người nội bộ tại Phụ lục 02/ <i>Wife, husband, biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, biological child, adopted child, son-in-law, daughter-in-law, brother, sister, brother in-law, brother-in-law, of the Company managers, legal representative, supervisors: see the list of related people of each insider in Appendix 02.</i>										

PHỤ LỤC/APPENDIX 02
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty, mối liên hệ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số CMND /ĐKKD <i>ID card no./ business registration number</i>	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Lee Choong Hwan		CT HĐQT <i>Chairman</i>					0	0%	Bổ nhiệm ngày 17/4/2026 <i>Nominated on April 17, 2026</i>
1.01	Oh Jeonghwa		Vợ / <i>Wife</i>					0		

1.02	Lee Hyuri		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		
1.03	Lee Hyumin		Con đẻ <i>Offspring</i>							
2	Nguyễn Phú Khánh		PCT HĐQT Vice Chairman					5.000.000	12,06%	Đại diện SCIC <i>Representative</i> <i>of SCIC</i>
2.01	Vũ Lan Hương		Vợ <i>Wife</i>					0		
2.02	Nguyễn Phú An		Con <i>Offspring</i>					0		
2.03	Nguyễn Phú Khang		Con <i>Offspring</i>					0		
2.04	Nguyễn Phú Đạt		Bố đẻ <i>Father</i>					0		
2.05	Lê Thị Hòa Bình		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0		
2.06	Vũ Xuân Cao		Bố vợ <i>Father in law</i>					0		
2.07	Tạ Thị Hồng Tinh		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0		
2.08	Nguyễn Lê Dung		Em gái <i>Sister</i>					0		
2.09	Bùi Hoàng Nam		Em rể <i>Brother in law</i>					0		
3	Đào Thúy Hà		UV HĐQT TGD Board member, CEO					74.990* 4.786.512**	0,18% 11,55%	* Cá nhân/ <i>Personal</i> ** Đại diện SCIC <i>Representative</i> <i>of SCIC</i>
3.01	Phạm Trung Kiên		Chồng <i>Husband</i>					0		
3.02	Phạm Hà Minh Khuê		Con đẻ					0		

			<i>Offspring</i>							
3.03	Phạm Minh Châu		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		
3.04	Bùi Thị Nhuận		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0		
3.05	Đào Thị Hồng Anh		Em ruột, kế toán Traphaco HY <i>Sister, Traphaco HY's accountant</i>					41.438	0,099%	
3.06	Nguyễn Thanh Tùng		Em rể <i>Brother in law</i>					55.701	0,134%	
3.07	Công ty dược phẩm Sao Mai		Tổ chức liên quan của người nội bộ <i>Related party of insider</i>					0		
4	Trần Túc Mã		UV HĐQT					1.724.456	4,16%	
4.01	Đào Thị Vui		Vợ <i>Wife</i>					0		
4.02	Trần Diệu Linh		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		
4.03	Trần Minh Nguyệt		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		
4.04	Trần Thị Hằng		Chị ruột <i>Sister</i>					0		
4.05	Trần Mạnh Dũng		Anh ruột <i>Brother</i>					0		
4.06	Trần Thị Vân		Chị ruột <i>Sister</i>					0		
4.07	Trần Văn Cương		Anh ruột <i>Brother</i>					0		
4.08	Trần Thị Thủy		Chị ruột					0		

			<i>Sister</i>						
4.09	Trần Sinh Vương		Anh ruột <i>Brother</i>				0		
4.10	Trần Mạnh Hùng		Em ruột <i>Brother</i>				0		
4.11	Trần Thị Hạnh		Em ruột <i>Sister</i>				0		
4.12	Trần Kim Dung		Em ruột <i>Sister</i>				0		
4.13	Mạc Thành Công		Con rể <i>Son in law</i>				0		
4.14	Khuông Văn Đoàn		Anh rể <i>Brother in law</i>				0		
4.15	Lê Thị Hợi		Chị dâu <i>Sister in law</i>				0		
4.16	Nguyễn Đình Chiểu		Em rể <i>Brother in law</i>				0		
4.17	Nguyễn Hồng Huân		Em dâu <i>Sister in law</i>				0		
5	Kim Dong Hyu		UV HĐQT Phó TGĐ Board member				0	0%	
5.01	Lee Eun Ha		Vợ <i>Wife</i>				0		
5.02	Kim Ju Won		Con đẻ <i>Offspring</i>				0		
5.03	Kim Han Byul		Chị ruột <i>Sister</i>				0		
5.04	Kim Kap Young		Bố đẻ <i>Father</i>				0		
5.05	Lee Sung Suk		Mẹ đẻ <i>Mother</i>				0		
5.06	Lee Sung Won		Bố vợ <i>Father in law</i>				0		

5.07	Kim Do Young		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0		
6	Đình Quang Hòa		UV HĐQT Board member					5.000.000	12,06%	Đại diện SCIC <i>Representative of SCIC</i>
6.01	Đình Ngọc Linh Đan		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		Còn nhỏ <i>Still young</i>
6.02	Đình Quang Trung		Bố đẻ <i>Father</i>					0		
6.03	Dương Bích Trang		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0		
6.04	Đình Trung Anh		Em ruột <i>Sister</i>					0		
6.05	Phạm Nguyễn Khánh Nhật		Em dâu <i>Sister in law</i>					0		
6.06	Quản Trọng Bắc		Bố vợ <i>Father in law</i>					0		
6.07	Dư Thị Ngọc Dung		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0		
6.08	Quản Ngọc Ly		Vợ <i>Wife</i>					0		
7	Cha Junwoo		UV HĐQT Board member					0	0%	
7.01	Park Seowoo		Vợ <i>Wife</i>							
7.02	Cha Yijoon		Con đẻ <i>Offspring</i>							
8	Đặng Sơn Nguyệt Thảo		Trưởng BKS Head of Board of					0	0%	Bổ nhiệm ngày 17/4/2026 <i>Nominated on April 17, 2026</i>

			Supervisors (BoS)							
8.01	Đặng Ngọc Hiền		Bố đẻ Father							
8.02	Từ Thị Hạnh		Mẹ đẻ Mother							
8.03	Nguyễn Tiến Thỏa		Bố chồng Father-in-law							
8.04	Nguyễn Thị Vui		Mẹ chồng Mother-in-law							
8.05	Nguyễn Trung Hiếu		Chồng Husband							
8.06	Nguyễn Sơn Tùng		Con trai Son							Còn nhỏ Still young
8.07	Nguyễn Đăng Anh		Con trai Son							Còn nhỏ Still young
8.08	Tổng công ty Thép Việt Nam		Thành viên Ban kiểm soát							
8.09	Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương		Chủ tịch HĐQT							
8.10	Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam		Trưởng ban kiểm soát							
9	Đào Thị Minh Hòa		UV BKS Member of BoS					0	0%	Bổ nhiệm ngày 17/4/2026 Nominated on April 17, 2026
9.01	Đào Bá Dũng		Bố đẻ Father					0		
9.02	Đặng Thị Minh Hằng		Mẹ đẻ Mother					0		
9.03	Đào Bá Duy		Em Brother					0		
9.04	Phạm Lê Minh Anh		Em dâu Sister-in-law					0		

9.05	Nguyễn Hồng Dương		Chồng <i>Husband</i>				0		
9.06	Nguyễn Hồng Bảo Linh		Con đẻ <i>Offspring</i>						Còn nhỏ <i>Stil young</i>
9.07	Nguyễn Hồng Phúc		Con đẻ <i>Offspring</i>						Còn nhỏ <i>Still young</i>
9.08	Nguyễn Hồng Long		Bố chồng						
9.09	Nguyễn Hồng Văn		Mẹ chồng						
10	Lee Jungwoo		UV BKS <i>Member of BoS</i>				0	0%	Bổ nhiệm ngày 17/4/2026 <i>Nominated on April 17, 2026</i>
10.01	Lee Kwanho		Bố đẻ <i>Father</i>				0		Hết hạn hộ chiếu <i>Passport expired</i>
10.02	Hong Aesik		Mẹ đẻ <i>Mother</i>				0		
10.03	Lee Jeongjae		Anh trai <i>Brother</i>				0		
11	Nguyễn Huy Văn		Phó TGD <i>Vice-CEO</i>				437.673	1,06%	
11.01	Nguyễn Thị Vinh Huệ		Vợ <i>Wife</i>				2.721	0,0066%	
11.02	Nguyễn Ngọc Nam Thiên		Con đẻ <i>Offspring</i>				0		Còn nhỏ <i>Still young</i>
11.03	Nguyễn Ngọc Thanh Thanh		Con đẻ <i>Offspring</i>				0		Còn nhỏ <i>Still young</i>
11.04	Nguyễn Ngọc Long		Anh ruột <i>Brother</i>				0		
11.05	Trần Thị Hồng		Chị dâu <i>Sister in law</i>				0		
11.06	Nguyễn Thị Thủy		Chị ruột <i>Sister</i>				13	0,00003%	
11.07	Trần Tiến Lực		Anh rể <i>Brother</i>				1.008	0,02%	

11.08	Nguyễn Việt Cường		Em ruột <i>Brother</i>					0		
11.09	Vũ Hương Giang		Em dâu <i>Sister in law</i>					80	0,00019%	
11.10	Vì Thị Tuyết Chinh		Chị dâu <i>Sister in law</i>					5.040	0,01%	
11.11	Nguyễn Thị Phượng		Chị ruột <i>Sister</i>					0		
11.12	Nguyễn Hữu Hiệp		Bố vợ <i>Father in law</i>					0		
11.13	Hoàng Thị Minh		Mẹ vợ <i>Mother in law</i>					0		
12	Trần Thị Anh Phuong		PTGD Vice-CEO					8.984	0,022%	
12.01	Nguyễn Việt Hùng		Chồng Husband							
12.02	Nguyễn Đức Thành		Con Offspring							
12.03	Nguyễn Đức Minh		Con Offspring							
12.04	Trịnh Thị Đường		Mẹ đẻ Mother							
12.05	Trần Phú Bình		Anh trai Brother							
12.06	Trần Thị Hoa Dung		Em gái Younger sister Nhân viên Employee					3.653	0,009%	
12.07	Trần Lâm		Em rể Brother in law Nhân viên Employee							
12.08	Trần Kỳ Anh		Em trai							

			Younger brother							
12.09	Nguyễn Ngọc Hà		Em dâu Sister in law							
12.10	Vũ Thị Miên		Mẹ chồng Mother in law							
13	Phạm Hoàng Anh		Phó TGD Vice CEO					0	0%	
13.01	Nguyễn Quỳnh Trang		Vợ Wife					0	0	
13.02	Phạm Gia Linh		Con đẻ Offspring					0		Còn nhỏ Still young
13.03	Phạm Minh Đức		Con đẻ Offspring					0		Còn nhỏ Still young
13.04	Phạm Đức Hạnh		Bố đẻ Father					0		
13.05	Hoàng Thị Hiệp		Mẹ đẻ Mother					0		
13.06	Nguyễn Văn Linh		Bố vợ Father in law					0		
13.07	Nguyễn Thị Phương		Mẹ vợ Mother in law					0		
14	Đinh Trung Kiên		Kế toán trưởng Chief accountant					55.386	0,13%	
14.01	Trịnh Thị Tiễn		Mẹ đẻ Mother					0		
14.02	Đinh Thị Ánh Tuyết		Chị ruột Sister					0		
14.03	Đinh Thị Hồng Nga		Chị ruột Sister					0		
14.04	Phạm Thị Thường		Vợ P. Logistics					8.905	0,02%	

			Wife, Logistics dept.							
14.05	Đinh Anh Thư		Con đẻ Offspring					0		
14.06	Đinh Thùy Linh		Con đẻ Offspring					0		
14.07	Đinh Hoàng Vũ		Con đẻ Offspring					0		Còn nhỏ Still young
14.08	Đinh Doanh Tỵ		Bố đẻ Father					0		
14.09	Phạm Công Chử		Bố vợ Father in law					0		
15	Ngô Hải Hà		Người phụ trách QTCT Người được UQ CBTT Chief Governance Officer, Authorized person for info disclosure					0	0%	
15.1	Ngô Hải Châu		Bố đẻ Father					0	0%	
15.2	Nguyễn Thị Thảo		Mẹ đẻ Mother					0	0%	
15.3	Ngô Thanh Hằng		Chị ruột Sister					0	0%	
15.4	Trần Hoàng Anh		Anh rể Brother-in- law					0	0%	
16	Chung Ji Kwang		CT HĐQT Chairman					0	0%	Miễn nhiệm Dismissed
16.01	Hyun Joo Oh		Vợ / Wife					0		

16.02	Chung Jaeho		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		
17	Nguyễn Thị Lương Thanh		Trưởng BKS <i>Head of Board of Supervisors (BoS)</i>					0	0%	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
17.01	Dư Ngọc Bình		Chồng <i>Husband</i>					0		
17.02	Dư Nguyễn Ngọc Minh		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		Còn nhỏ <i>Still young</i>
17.03	Dư Nhật Thành		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		Còn nhỏ <i>Still young</i>
17.04	Nguyễn Đắc Điền		Bố đẻ <i>Father</i>					0		
17.05	Lương Thị Thanh Thủy		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0		
17.06	Đặng Thị Nụ		Mẹ chồng <i>Mother in law</i>					0		
17.07	Nguyễn Lương Đức		Anh ruột <i>Brother</i>					0		
17.08	Công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang		UV BKS <i>Member of Board of Supervisors</i>					0		
18	Nguyễn Thanh Hoa		UV BKS <i>Member of BoS</i>					0	0%	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
18.01	Nguyễn Xuân Việt Anh		Chồng <i>Husband</i>					0		
18.02	Nguyễn Anh Khôi		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		Còn nhỏ <i>Still young</i>
18.03	Nguyễn Xuân Khôi		Con đẻ <i>Offspring</i>					0		Còn nhỏ <i>Still young</i>

18.04	Lưu Thúy Hoàn		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0		
18.05	Nguyễn Thanh Tùng		Anh ruột <i>Brother</i>					0		
19	Nguyễn Thị Giang		UV BKS <i>Member of BoS</i>					0	0%	Miễn nhiệm <i>Dismissed</i>
19.01	Nguyễn Trung Thành		Bố đẻ <i>Father</i>					0		
19.02	Vũ Thị Dung		Mẹ đẻ <i>Mother</i>					0		
19.03	Nguyễn Vũ Gia Khanh		Em ruột <i>Brother</i>					0		
19.04	Nguyễn Thị Thùy Dương		Chị ruột <i>Sister</i>					0		